TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1973.

Cư trú: tổ 12, ấp VT, xã VT, huyện TS, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1981.

Cư trú: số 65/3 hẻm RCD, khóm ĐTA, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

(Tại phiên tòa ông T vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); bà C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018, trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông T và bà Lê Thị Kim C quen biết, tìm hiểu tiến tới hôn nhân vào năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh AG năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ly thân từ trước năm 2005 cho đến nay, cả hai đã xa nhau quá lâu nên không còn yêu thương gì nhau nữa. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân, bà C không quan tâm chăm sóc gia đình, phát triển kinh tế gia đình. Bản thân bà C cũng đã bỏ gia đình chồng con đi làm ăn tại tỉnh BD, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay, ông T nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Kim C.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng có một con chung tên Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2003. Hiện tại con chung đang sống chung với bà C nên ông đồng ý cho bà C nuôi dưỡng con chung nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định, thu nhập không cao nên không cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp sau này điều kiện kinh tế ổn định, có thu nhập thì tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng hoặc nếu vợ con có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong T bộ quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn T có đơn xét xử vắng mặt ngày 19 tháng 5 năm 2020; bị đơn bà Lê Thị Kim C vắng mặt và không có ý kiến cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà C vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Ông T và bà C tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà C mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải. Riêng đối với bà C mặc dù biết ông T xin ly hôn sau khi đã được niêm yết, tống đạt trực tiếp (bà Lê Thị Ánh T ở cùng nhà bà C nhận thay, cam kết giao lại cho bà C) các

văn bản tố tụng tại nhà nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T cho thấy bà C không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với ông T. Do đó, hiện tại mục đích của hôn nhân giữa ông T, bà C là không đạt được, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, ông T yêu cầu ly hôn với bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung, hiện con chung đang sinh sống với mẹ là bà C, có ý kiến xin được ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Ông T đồng ý giao con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần thiết giao con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không tranh chấp nên không đặt ra để xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T và bà C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh AG; Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C; Bà C có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông T và bà C là "tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 19 tháng 5 năm 2020. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định pháp luật.

Riêng đối với bà Lê Thị Kim C, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị Kim C không đến Tòa án và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà C.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Kim C kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK, huyện TS, tỉnh AG vào ngày 03 tháng 3 năm 2003 theo trích lục kết hôn

số 89/TLKH-BS ngày 29 tháng 11 năm 2017, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, ông T và bà C phát sinh mâu thuẫn, ông T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó đã ly thân từ trước năm 2005 cho đến nay. Nguyên nhân, do bà C tự ý bỏ nhà ra đi Bình Dương làm việc, không quan tâm, chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung, ông T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

[5] Xét, hôn nhân giữa ông T và bà C mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông T không còn tình cảm với bà C, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Trong T bộ quá trình giải quyết vụ án, bà C vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T tức là bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của bà C. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà C.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2003. Hiện tại con chung đang sống chung với bà C, nguyện vọng cháu Tới mong muốn sống chung với bà C. Ông T đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Lê Hoàng Anh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, do ông T có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định, thu nhập không cao nên không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có).

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T cho rằng ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Bà C không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Kim C.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2003. Ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Kim C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008343 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Kim C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông T, bà C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương